TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN G** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 21-01-2021
"V/v Tranh chấp về ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN G, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Kim Nhập
Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lương Thị Hồng Hạnh
Ông Nguyễn Thành Thật

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ánh Tuyết – Thư ký Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện G tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cúc – Kiểm sát viên.

Trong ngày 21 tháng 01 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện G, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 311/2020/TLST-HNGĐ, ngày 08/10/2020 về việc "Tranh chấp về ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 80/2020/QĐXXST-HNGĐ, ngày 22 tháng 12 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Đặng Ngọc Đ, sinh năm 1987 (có mặt);
Địa chỉ: ấp S, xã H, huyện GI, tỉnh Kiên Giang.
- *Bị đơn:* Chị Lê Thị Cẩm N, sinh năm 1991 (vắng mặt).
Địa chỉ: ấp C, xã T, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai đề ngày 07/10/2020 và tại phiên tòa, nguyên đơn anh Đặng Ngọc Đ trình bày:

Vào năm 2009, anh kết hôn cùng với chị Lê Thị Cẩm N, hôn nhân tự nguyện, gia đình hai bên có tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương và vợ chồng có đăng ký kết hôn trễ hạn tại UBND xã T, huyện G, tỉnh Kiên Giang vào ngày 30/9/2011.

Sau khi cưới, vợ chồng anh chung sống với nhau hạnh phúc được khoảng 05 năm thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do trong cuộc sống vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, có nhiều bất đồng trong cách sống, sinh hoạt, vợ chồng thường xuyên cải vã nên vợ chồng đã tự ly thân với nhau từ đầu

năm 2015 đến nay. Từ khi ly thân đến nay, anh và chị N không có liên lạc với nhau, anh cũng thường xuyên về thăm con và gởi tiền cho cha mẹ vợ nuôi con nhưng anh và chị N không có gặp mặt và không hòa giải được với nhau. Nay, anh nhận thấy vợ chồng không thể nào hàn gắn với nhau được nữa nên yêu cầu được ly hôn.

Quá trình chung sống, vợ chồng chị có 01 con chung tên: Đặng Minh K – sinh ngày 24/4/2011. Hiện nay, cháu K đang sống cùng với chị N.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh Đ xác định vợ chồng không có tài sản chung và vợ chồng cũng không có thiếu nợ ai.

Tại phiên tòa: Về hôn nhân, anh Đặng Ngọc Đ yêu cầu được ly hôn với chị Lê Thị Cẩm N; Về con chung, anh đồng ý giao con chung cho chị N nuôi dưỡng, anh tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.500.000đ (Một triệu, năm trăm nghìn đồng); Về tài sản chung, nợ chung, anh Đ xác định vợ chồng không có tài sản chung và vợ chồng cũng không có thiếu nợ ai nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn chị Lê Thị Cẩm N không có mặt tại phiên tòa: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt đầy đủ các văn bản tố tụng theo đúng quy định của pháp luật cho chị N nhưng chị không có mặt cũng không cung cấp bản tự khai cho Tòa án nên Tòa án không thể ghi nhận ý kiến hay bất cứ yêu cầu nào của chị.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền, xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, người tham gia tố tụng; việc thu thập tài liệu, chứng cứ, cấp tống đạt văn bản tố tụng cho người tham gia tố tụng và Viện kiểm sát đúng quy định. Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử, Thư ký và các đương sự chấp hành đúng và đầy đủ các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Đối với bị đơn đã được thông báo, tống đạt các văn bản tố tụng đúng quy định nhưng đều vắng mặt là không tuân thủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng các Điều 56, Điều 81, 82 và 131 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014: Chấp nhận cho anh Đặng Ngọc Đ được ly hôn với chị Lê Thị Cẩm N; Về con chung: Giao con chung tên Đặng Minh K – sinh ngày 24/4/2011 cho chị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, ghi nhận việc anh Đ tự nguyện cấp dưỡng nuôi cháu K hàng tháng, mỗi tháng 1.500.000đ (Một triệu, năm trăm nghìn đồng) cho đến khi cháu K trưởng thành đủ 18 tuổi; Về tài sản chung, nợ chung không có, không yêu cầu nên miễn xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Quá trình chung sống, do phát sinh mâu thuẫn không giải quyết được với nhau nên anh Đặng Ngọc Đ khởi kiện yêu cầu ly hôn với chị Lê Thị Cẩm N được Tòa án thụ lý, giải quyết theo thẩm quyền được quy định tại Điều 28 và Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 (Bộ luật BLTTDS 2015).

Chị Lê Thị Cẩm N với tư cách là bị đơn trong vụ án đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do lần thứ hai, căn cứ khoản 3 Điều 228 BLTTDS, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị N.

[2] Về hôn nhân: Anh Đặng Ngọc Đ và chị Lê Thị Cẩm N xác lập quan hệ hôn nhân với nhau vào năm 2009, hôn nhân tự nguyện, có tổ chức đám cưới và có đăng ký kết hôn trễ hạn tại UBND xã T, huyện G, tỉnh Kiên Giang theo Giấy chứng nhận kết hôn số 132/2011 quyển số 01/2011 ngày 30/9/2011, theo quy định tại Điều 11 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 hôn nhân của anh chị là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ.

Xét yêu cầu của anh Đặng Ngọc Đ được ly hôn với chị Lê Thị Cẩm N vì lý do vợ chồng bất đồng trong quan điểm sống, tính tình không hợp nhau nên thường xuyên cải vả làm cho cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, vợ chồng anh chị đã tự ly thân với nhau từ đầu năm 2015 đến nay. Đối với chị Lê Thị Cẩm N, Tòa án đã nhiều lần tống đạt và thông báo hợp lệ các văn bản tố tụng trong đó có 02 lần tống đạt Thông báo mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải để điều kiện cho vợ chồng anh chị hòa giải, đoàn tụ với nhau nhưng chị N đều không có mặt nên Tòa án không tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải được.

Tại phiên tòa, anh Đ khai rõ trong suốt thời gian ly thân, vợ chồng anh không gặp mặt nhau và không còn liên lạc với nhau nữa, bản thân anh thì không còn tình cảm dành cho vợ và anh Đ cũng tỏ rõ thái độ cương quyết ly hôn với chị N. HĐXX thấy rằng, trước khi cưới nhau anh chị đã có thời gian tìm hiểu nhau nhưng khi về sống chung một thời gian mới bộc lộ cá tính của mỗi người nên khi xảy ra mâu thuẫn không giải quyết được dẫn đến tranh chấp kéo dài làm cho tình trạng hôn nhân trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Đ là phù hợp.

[3] Về con chung: Anh Đ xác định vợ chồng có 01 con chung tên Đặng Minh K – sinh ngày 24/4/2011. Hiện nay, cháu K đang sống cùng với với chị N nên anh Đ đồng ý giao con cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng.

HĐXX thấy rằng, từ khi ly thân đến nay, cháu K sống cùng với chị N và phát triển bình thường như những đứa trẻ khác nên việc anh Đ đồng ý giao cháu K cho chị N tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp với thực tế và phù hợp với nguyện vọng của cháu K. Vì vậy, ghi nhận việc anh Đ tự nguyện giao cháu Đặng Minh K – sinh ngày 24/4/2011 cho chị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp theo quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Đồng thời, ghi nhận việc anh Đ tự nguyện cấp dưỡng nuôi cháu K hàng tháng, mỗi

tháng 1.500.000đ (Một triệu, năm trăm nghìn đồng) cho đến khi cháu K trưởng thành đủ 18 tuổi, thời gian cấp dưỡng lần đầu vào ngày 30/01/2021.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Anh Đặng Ngọc Đ xác định vợ chồng không có tài sản chung và vợ chồng cũng không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Án phí ly hôn là 300.000đ và án phí cấp dưỡng nuôi con là 300.000đ anh Đ phải nộp do có yêu cầu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 131 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho anh Đặng Ngọc Đ được ly hôn với chị Lê Thị Cẩm N.

2. Về con chung: Giao con chung tên Đặng Minh K – sinh ngày 24/4/2011 cho chị Lê Thị Cẩm N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Ghi nhận việc anh Đặng Ngọc Đ tự nguyện cấp dưỡng nuôi cháu Đặng Minh K hàng tháng, mỗi tháng 1.500.000đ (một triệu năm trăm nghìn đồng) vào ngày 30 hàng tháng, cấp dưỡng lần đầu vào ngày 30/01/2021 cho đến khi cháu K trưởng thành đủ 18 tuổi.

Nếu ngày 30 hàng tháng là ngày thứ 7, chủ nhật hoặc ngày nghỉ lễ thì ngày cấp dưỡng sẽ là ngày thứ 2 hoặc ngày làm việc liền kề tiếp theo.

Anh Đặng Ngọc Đ có quyền tới lui thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai có quyền cản trở anh thực hiện quyền này.

Khi cần thiết anh chị có quyền làm đơn xin thay đổi quyền nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí: Anh Đặng Ngọc Đ phải nộp án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000đ và án phí cấp dưỡng là 300.000đ, tổng cộng 02 khoản là 600.000đ (sáu trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0005258, ngày 08/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G, tỉnh Kiên Giang. Như vậy, anh Đ phải nộp thêm số tiền án phí 300.000đ (ba trăm nghìn đồng).

4. Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, ngày 21/01/2021.

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 9 Luật thi hành án dân sự và các Điều 7, 7a, 7b Luật Thi hành án dân sự sửa đổi bổ sung năm 2014, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Kiên Giang;*
- *VKSND huyện G;*
- *Chi cục THADS huyện G;*
- *UBND xã T;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ vụ án;*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Nguyễn Kim Nhập